

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 179/2025/QĐST-HNGĐ T, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự (HNGĐ) thụ lý số 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Phạm Văn M, số B đường D, Tổ B, Khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0375.941.934.

- Ông Lưu Văn L, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Phạm Văn M, số B đường D, Tổ B, Khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0981.981.384.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Lưu Văn Lâm C sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 23/01/2013.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, quan tâm, lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng tháng 02/2023, bà N, ông L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Thời gian sống ly thân, bà N và ông L cố gắng hòa giải, gia đình hai bên cũng hòa giải khuyên can nhưng bà N và ông L không thể hàn gắn được tình cảm.

[2] Về con chung và nuôi con: Trong thời gian chung sống, bà N và ông L có 01 con chung Lưu Nguyễn Như N1 (nữ), sinh ngày 22/9/2013. Hiện nay, con

chung đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N, ông L thỏa thuận con chung giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Lưu Văn L thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, đăng ký ngày 2/01/2013 tại UBND xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang)

- Về con chung và nuôi con: Bà N được trực tiếp nuôi con chung Lưu Nguyễn Như N1 (nữ), sinh ngày 22/9/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông L. Ông L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà N. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N, ông L mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001746 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Vị Tân, TP . Vị Thanh, Hậu Giang;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT

.

Trần Thanh Bình